

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính năm 2024

I. Đánh giá chung

Trường Đại học Bạc Liêu là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên được UBND tỉnh Bạc Liêu giao quyền tự chủ tài chính năm 2024 theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 09 tháng 04 năm 2024.

Với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp, Trường Đại học Bạc Liêu đã chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, viên chức, người lao động, cơ sở vật chất một cách hợp lý để nâng cao chất lượng đào tạo hoàn thành nhiệm vụ được giao; mở rộng, phát triển các hoạt động dịch vụ đào tạo nhằm tạo nguồn thu cho Trường; Quản lý và sử dụng nguồn tài chính của đơn vị theo yêu cầu thực tế, đúng theo quy định, đảm bảo thiết thực, hiệu quả đồng thời có tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho viên chức, người lao động.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

1.1. Về Tổ chức bộ máy:

Hiện nay cơ cấu tổ chức bộ máy của nhà trường như sau:

Hội đồng Trường được công nhận theo Quyết định số 120/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh ngày 16/02/2022 về việc công nhận Hội đồng trường, Chủ tịch và các thành viên Hội đồng trường Trường Đại học Bạc Liêu nhiệm kỳ 2021-2026 và các quyết định bổ sung thành viên Hội đồng trường nhiệm kỳ 2021-2026. Hội đồng trường đến tháng 12/2024 gồm có 14 thành viên, trong đó có 08 thành viên trong trường và 06 thành viên ngoài trường.

Trong năm 2024, Trường đã khai thực hiện quy trình kiện toàn nhân sự quản lý cấp Phòng, Khoa và tương đương, cấp Bộ môn thuộc khoa đồng thời tham mưu thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bộ máy Trường Đại học Bạc Liêu theo đề án số 739/ĐA-ĐHBL ngày 16/10/2023 đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về việc phê duyệt đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Bạc Liêu. Cụ thể như sau:

- Ban Giám hiệu: 01 Hiệu trưởng và 01 Phó Hiệu trưởng

- Hội đồng trường: 01 chủ tịch

- Trường có 14 đơn vị trực thuộc Ban Giám hiệu, cụ thể:

+ 07 Phòng ban: Phòng Tổ chức và Hành chính, Phòng Kế hoạch và Tài chính, Phòng Quản lý Đào tạo và Công tác sinh viên, Phòng Quản lý khoa học và Quan hệ đối

ngoại, Phòng Đảm bảo chất lượng và Thanh tra, Phòng Liên kết đào tạo-Phát triển nguồn nhân lực và Tuyển sinh, Phòng Khởi nghiệp-Đổi mới sáng tạo và Tư vấn việc làm;

+ 05 Khoa chuyên môn: Khoa Sư phạm, Khoa Nông nghiệp và Thủy sản, Khoa Kinh tế và Luật, Khoa Kỹ thuật và Công nghệ, Khoa Khoa học xã hội.

+ 02 Trung tâm: Trung tâm Tin học và Ngoại ngữ, Trung tâm Quản trị hệ thống Thông tin và Thư viện.

+ Trường có các tổ chức đảng, đoàn thể: Đảng bộ, Công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Hội Sinh viên.

Nhìn chung thời gian các hoạt động tổ chức bộ máy, biên chế nhân sự tại đơn vị vẫn đảm bảo thực hiện theo đúng các quy định, chưa xảy ra các vấn đề bất cập.

1.2. Về số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng

- Tổng số viên chức, người lao động đầu năm là 214 người (trong đó, viên chức là 178 người, số hợp đồng lao động đầu năm là: 36 người). Số lượng người làm việc năm 2024 được giao là 204 người.

- Tổng số viên chức người lao động đến 31/12/2024 là 215 người, trong đó viên chức là 175 người, hợp đồng lao động là 40 người. Trình độ tiến sĩ 26, trình độ thạc sĩ 135, còn lại là trình độ khác.

- Số lượng viên chức và người lao động cuối năm tăng 01 người so với đầu năm. Trong đó, tăng lao động 04 người, giảm lao động 03 người (nghỉ việc: 01 người, nghỉ hưu: 01 người, từ trần: 01 người).

Năm 2024, trường đã thực hiện đầy đủ và đúng các quy định về sắp xếp lại các đơn vị và vị trí việc làm theo đề án tái cấu trúc bộ máy và đề án vị trí việc làm theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 26/10/2023.

1.3. Về thực hiện nhiệm vụ được giao

Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND và các ban ngành trong Tỉnh, bộ máy lãnh đạo cấp trường và cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc dần được kiện toàn, trình độ đội ngũ viên chức người lao động của trường được nâng lên đáng kể, các hoạt động dần đi vào nề nếp. Viên chức và người lao động nhiệt tình, có quyết tâm cao để hoàn thành nhiệm vụ.

Căn cứ Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 của UBND tỉnh Bạc Liêu về việc phê duyệt Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Đại học Bạc Liêu, Trường đã thực hiện sắp xếp lại các đơn vị và vị trí việc làm theo Đề án được phê duyệt, từng bước hoàn thiện bộ máy, nâng cao hiệu quả công tác.

Nhà trường chú trọng xây dựng khung chương trình đào tạo hợp lý, khoa học, hội nhập và liên thông, chủ động thiết kế các mô đun dạy học lý thuyết, tăng cường thực hành và định hướng ứng dụng, kết nối doanh nghiệp. Căn cứ các hướng dẫn, quy định hiện hành, trong năm học, Trường đã triển khai rà soát, cập nhật và ban hành mới chuẩn đầu ra (CĐR) và chương trình đào tạo (CTĐT) của 16 ngành cao đẳng, đại học. Hơn nữa, để nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học, Nhà trường đã tổ chức 03 đợt hội nghị tập huấn cho giảng viên về xây dựng CTĐT, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá theo CĐR. Ngoài ra, công tác xét duyệt đề cương, hoạt động dự giờ, kiểm tra chuyên môn được các khoa, bộ môn triển khai đầy đủ, nghiêm túc. Đẩy mạnh ứng dụng công

nghệ thông tin, tạo điều kiện cho thí sinh và phụ huynh tiếp cận thông tin thuận lợi và dễ dàng qua các trang mạng xã hội và trang thông tin tuyển sinh của trường. Đồng thời, nhà trường không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của các đơn vị sử dụng lao động trong cả nước.

Công tác Đảm bảo chất lượng giáo dục (ĐBCLGD) luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo, tạo mọi điều kiện thuận lợi từ Đảng ủy, Ban Giám hiệu. Các văn bản quy định về công tác ĐBCLGD của nhà trường dần được hoàn thiện và chuẩn hóa, tạo cơ sở cho việc triển khai các hoạt động đảm bảo chất lượng hiệu quả. Trong năm học 2023 - 2024, trên cơ sở kết quả đánh giá ngoài, Trường Đại học Bạc Liêu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục theo Quyết định số 222/QĐ-TTKĐ ngày 28/12/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia HCM. Ngoài ra, căn cứ Nghị quyết số 69/NQ-HĐKĐCLGD ngày 11/12/2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục về việc thẩm định kết quả đánh giá ngoài chất lượng Trường Đại học Bạc Liêu, nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch số 123/KH-ĐHBL ngày 23/02/2024 về việc cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài cấp cơ sở giáo dục.

Công tác tuyển sinh của trường thực hiện theo đúng quy định về chỉ tiêu tuyển sinh (số sinh viên nhập học 770/1.136 chỉ tiêu đạt 67,8%). Ngoài ra công tác chuyên môn của các đơn vị thuộc trường cũng hoàn thành tốt giúp Trường thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

Nhà trường xây dựng và ban hành kế hoạch thanh tra, kiểm tra nội bộ năm học 2023-2024. Cơ bản, công tác thanh tra, kiểm tra nội bộ được tiến hành theo đúng kế hoạch, đảm bảo về nội dung, đúng quy trình và đạt được những kết quả tích cực.

Việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ về tài chính tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên nhà trường yên tâm công tác, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc được giao.

Trong năm 2024, Nhà trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chất lượng hiệu quả công việc được nâng lên một cách rõ rệt, chính trị tư tưởng được giữ vững, đời sống vật chất và tinh thần của viên chức người lao động cơ bản được đảm bảo. Tập thể nhà trường đoàn kết, năng động, sáng tạo, ngày càng được chuẩn hóa về trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu đào tạo và định hướng phát triển của nhà trường.

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị

Trường Đại học Bạc Liêu là đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động thường xuyên, thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo số 65/QĐ-UBND ngày 09/04/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu trên cơ sở Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

Cơ chế tự chủ tạo điều kiện cho Trường phát huy tính dân chủ, chủ động, sáng tạo của người lao động; nâng cao kỹ năng quản lý, chất lượng hoạt động sự nghiệp; bước đầu rà soát lại chức năng nhiệm vụ đơn vị, từng bước giảm sự can thiệp của cơ quan quản lý cấp trên.

Trường đã chủ động hơn trong việc trích lập các quỹ cơ quan theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình hoạt động của đơn vị. Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp ngoài sử dụng để đầu tư phát triển nâng cao hoạt động sự nghiệp, bổ sung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn, đào tạo cán bộ,.. còn xem là giải pháp nâng cao chất lượng học đi đôi với hành và cũng là cơ sở để mở rộng, phát triển hoạt động dịch vụ tạo nguồn thu, nâng mức thu nhập cho người lao động; Trường

thực hiện trích lập quỹ học bổng đúng theo quy định; Thực hiện chi trả học bổng khuyến khích cho sinh viên chính quy, chi trả đầy đủ chế độ miễn giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên theo năm học.

Về kinh phí: Kinh phí NSNN cấp thực hiện tự chủ đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi phí hoạt động. Ngoài ra Nhà trường được cấp kinh phí các hoạt động không tự chủ để thực hiện chế độ chính sách cho sinh viên và hoạt động khoa học công nghệ theo quy định. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản được NSNN cấp hàng năm theo từng dự án được phê duyệt. Nguồn thu sự nghiệp của đơn vị được sử dụng theo quy định hiện hành.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

3.1. Về các khoản thu sự nghiệp do NSNN cấp:

Năm 2024, tổng kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên đầu năm là 35.035 triệu đồng (bao gồm số dư năm 2023 chuyển sang 395 triệu đồng). Tổng số kinh phí NSNN được sử dụng trong năm là 30.637 triệu đồng, giảm 4.398 triệu đồng. Trong đó, kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên là 17.727 triệu đồng (bao gồm số dư năm trước chuyển sang là 219 triệu đồng); Kinh phí thực hiện chi chế độ chính sách cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập là 377 triệu đồng; Kinh phí thực hiện hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm theo Nghị định 116/2020/NĐ-CP tổng số là 12.107 triệu đồng (Kinh phí giao đầu năm là 16.505 triệu đồng, giảm dự toán trong năm là 4.398 triệu đồng theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 04/12/2024). Tình hình sử dụng kinh phí do NSNN cấp của đơn vị trong năm như sau:

ĐVT: Triệu đồng.

S T T	Nguồn kinh phí	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng			Dự toán bị hủy	Dự toán còn lại được chuyển sang năm 2024
					Thực chi	Tạm ứng	Tổng		
1	Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 12: Cấp bù học phí và hỗ trợ CPHT)		377	377	233	0	233	144	
2	Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 12: Thực hiện Nghị định 116/2020)		12.107	12.107	12.088	0	12.088	19	
3	Nguồn kinh phí được giao tự chủ (nguồn 13)	219	17.508	17.727	16.501	0	16.501		1.226
4	Nguồn kinh phí Nghiên cứu khoa học (nguồn 16)	176	250	426	290	86	376		50
	Tổng cộng	395	30.242	30.637	29.112	86	29.198	163	1.276

Ngoài kinh phí NSNN giao nhiệm vụ thường xuyên nêu trên, đơn vị được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương đơn vị đang quản lý để thực hiện chi lương với số tiền 7.749 triệu đồng.

Bên cạnh đó, trong năm 2024 nhà trường tiếp tục được UBND tỉnh giao dự toán chi đầu tư phát triển Dự án Xây dựng hệ thống quản trị số và trung tâm thí nghiệm công nghệ cao tại Trường Đại học Bạc Liêu với số tiền 20.889 triệu đồng. Nhà trường đã thực hiện giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành các gói thầu thuộc dự án với tổng số tiền 19.169 triệu đồng.

3.2. Về nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên

Tổng dự toán thu nhiệm vụ thường xuyên từ nguồn NSNN (nguồn 13) của đơn vị là: 27.450 triệu đồng. Tuy nhiên, Dự toán NSNN cấp năm 2024 (không bao gồm số dư năm trước chuyển sang) là: 17.508 triệu đồng (đạt 63,78% nhu cầu). Do đó, đơn vị được sử dụng nguồn CCTL đang quản lý để thực hiện chi lương là 7.749 triệu đồng, sử dụng nguồn thu của đơn vị đảm một phần cho NSNN là 2.193 triệu đồng. Tổng dự toán chi thường xuyên đã thực hiện hiện trong năm là 16.501 triệu đồng.

Dự toán thu từ nguồn thu của đơn vị năm 2024 là 46.416 triệu đồng (Bao gồm dự toán NSNN cấp bù, hỗ trợ học phí), thực hiện trong năm là 27.907 triệu đồng, đạt tỷ lệ 60,12% so với dự toán. Tổng thu sự nghiệp năm 2024 tăng hơn so với năm 2023 tổng số tiền 3.442 triệu đồng tương đương tăng 14%.

Tổng dự toán chi hoạt động thường xuyên năm 2024 được phê duyệt là 71.673 triệu đồng. Trong đó, dự toán chi từ nguồn NSNN là 25.257 triệu đồng (Đã trừ kinh phí từ nguồn thu đảm một phần cho NSNN), đơn vị được sử dụng nguồn CCTL để thực hiện chi lương là 7.749đ. Do đó, dự toán chi NSNN cấp thực hiện nhiệm vụ trong năm là 17.508 triệu đồng; dự toán chi từ nguồn thu của đơn vị 46.416 triệu đồng.

Tổng chi thường xuyên trong năm 2024 là 58.486 triệu đồng. Trong đó, chi từ nguồn NSNN là 16.501 triệu đồng, từ nguồn thu là 27.907 triệu đồng, từ nguồn CCTL được phép chi trong năm là 14.078 triệu đồng (*Theo Quyết định 2176/QĐ-UBND ngày 28/11/2023: 2.336 triệu đồng; Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 28/10/2024: 11.742 triệu đồng*), Chi tiết như sau:

DVT: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Tổng thu thường xuyên			Tổng chi thường xuyên			Ghi chú
		Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/dự toán	Dự toán	Thực hiện	Tỷ lệ thực hiện/dự toán	
1	Nguồn NSNN cấp (không bao gồm số dư năm trước chuyển sang)	25.257	17.508	63,78%	17.508	16.501	94,25%	- Dự toán lương 2024 theo mức LCB: 1.800.000đ;
2	Nguồn thu của đơn vị	46.416	27.907	60,1%	46.416	27.907	60,12%	
3	Nguồn Cải cách tiền lương					14.078		
	Tổng cộng	71.673	45.415	63,36%	63.924	58.486	91,49%	

3.3. Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ và nguồn cải cách tiền lương trong năm 2024

Trong năm 2024, số trích lập các quỹ và nguồn CCTL của đơn vị là 13.743 triệu đồng chiếm 49,25% tổng nguồn thu sự nghiệp, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Trích lập trong năm	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ	Ghi chú
1	Quỹ khen thưởng	536	0	200	340	396	
2	Quỹ phúc lợi	1.559	0	4.251	3.456	2.353	
3	Quỹ bổ sung thu nhập	3.765	0	300	760	3.305	
4	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	2.135	870	990	407	3.588	
5	Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ	0	10	790	0	800	
6	Quỹ học bổng (Trích lập 8%)	839	0	1.374	934	1.279	
7	Quỹ học bổng (nhận tài trợ)	576	292	0	115	753	
8	Quỹ hỗ trợ sinh viên	2.012	0	0	224	1.788	
9	Trích 40% CCTL	28.301	0	5.838	14.078	20.061	
	Tổng cộng	39.723	1.172	13.743	20.314	34.323	

Năm 2024, Nhà trường còn trích lập Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ theo đúng quy định tạo điều kiện cho giảng viên, sinh viên tham gia các hoạt động về khoa học công nghệ từng bước cải tiến cũng như đảm bảo tiêu chí trong đánh giá chất lượng giáo dục theo quy định hiện hành.

Bên cạnh đó, đơn vị thực hiện tiết kiệm 5% và cắt giảm các khoản dự toán chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp năm 2024 trích vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/8/2024 với số tiền 852 triệu đồng.

3.4. Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm

- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị trong năm 2024 là 760 triệu đồng (chi từ Quỹ ổn định thu nhập), dưới 1 lần quỹ tiền lương (Quỹ tiền lương năm 2024 là: 31.293 triệu đồng) giảm so với năm trước 1.908 triệu đồng.

- Thu nhập tăng thêm bình quân của VC-NLĐ trong đơn vị: 0,6 triệu đồng/tháng.

- Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân/quý: 1,0; trong đó: Người có thu nhập tăng thêm cao nhất: 0,9 triệu đồng/tháng; người có thu nhập tăng thêm thấp nhất: 0,2 triệu đồng/tháng.

Ngoài thu nhập tăng thêm, Nhà trường còn chi hỗ trợ từ quỹ phúc lợi cho viên chức người lao động và viên chức có học vị tiến sĩ với tổng số tiền 2.436 triệu đồng (trong đó hỗ trợ viên chức có học vị tiến sĩ là 606,7 triệu đồng), khoản chi được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ.

3.5. Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ

Năm 2024 Trường Đại học Bạc Liêu tiếp tục triển khai thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 09/04/2024 của UBND tỉnh Bạc Liêu.

Với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp, Trường Đại học Bạc Liêu đã chủ động sử dụng nguồn lực tài chính, viên chức, người lao động, cơ sở vật chất một cách hợp lý để nâng cao chất lượng đào tạo hoàn thành nhiệm vụ được giao; mở rộng, phát triển các hoạt động dịch vụ đào tạo nhằm tạo nguồn thu cho Trường; Quản lý và sử dụng nguồn tài chính của đơn vị theo yêu cầu thực tế, đúng theo quy định, đảm bảo thiết thực, hiệu quả đồng thời có tiết kiệm để chi tăng thu nhập cho viên chức, người lao động.

Trong năm 2024, đơn vị đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ (QCCTNB) theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHBL ngày 22/05/2024 đã được Sở Tài chính Bạc Liêu thẩm định trước khi thực hiện. Ngày 12/09/2024 đơn vị đã ban hành Quyết định số 621/QĐ-ĐHBL về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ do có dự sắp xếp lại đơn vị và vị trí việc làm theo Đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp đã được UBND tỉnh phê duyệt theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 26/10/2023. Việc thực hiện xây dựng và ban hành QCTNB theo đúng trình tự tự túc và được thảo luận công khai dân chủ theo quy định. Khi xây dựng QCCTNB đơn vị đã bám sát vào hướng dẫn những nội dung xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ theo Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

Trường thực hiện nghiêm và chấp hành tốt các quy định về chế độ chính sách cho người lao động, sinh viên và các quy định về quản lý thu chi tài chính. Quản lý và sử dụng kinh phí thường xuyên nhằm tiết kiệm kinh phí để có tăng thêm thu nhập cho giảng viên, viên chức và người lao động trên cơ sở định mức, tiêu chuẩn, chế độ đúng quy định được ban hành; đồng thời cũng thực hiện công khai minh bạch các hoạt động thu-chi; tạo quyền tự chủ cho người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và là cơ sở để các đơn vị quản lý, thanh toán các khoản chi tiêu; Kho bạc Nhà nước kiểm soát chi, Cơ quan tài chính quyết toán các nguồn kinh phí theo quy định.

Phòng Kế hoạch và Tài chính là đơn vị được giao nhiệm vụ thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động, kiểm soát thu-chi, đề xuất các khoản chi tiêu phát sinh chưa có quy định phù hợp với nội dung của từng công việc hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm đảm bảo các hoạt động của nhà trường thực hiện theo đúng quy chế chi tiêu nội bộ và các văn bản theo quy định hiện hành.

3.6. Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Tổ chức thực hiện, kiểm soát thu-chi đúng theo định mức, tiêu chuẩn theo Quy chế chi tiêu nội bộ và các quy định hiện hành.

Mở rộng hình thức đào tạo các lớp ngắn hạn theo hướng đặt hàng đáp ứng nhu cầu của tỉnh và nhu cầu của các công ty, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh.

Phối hợp với các đơn vị liên kết đào tạo bằng các hình thức: Tư vấn tuyển sinh, hợp tác đào tạo VHVL, các lớp tập huấn ngắn hạn, cấp chứng chỉ... tạo nguồn thu cho Trường.

Tổ chức thực hiện có hiệu quả đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, kinh doanh theo đúng quy định, tạo nguồn thu hợp pháp cho Nhà trường.

Thực hành tiết kiệm trong xây dựng các mức khoán điện thoại, văn phòng phẩm cho từng bộ phận. Tuyên truyền trong VC-NLĐ và SV tiết kiệm điện, nước, giữ gìn và bảo vệ tài sản công,...

Tăng cường ký kết hợp tác với các đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, thực tế và trao đổi kỹ năng trong quá trình học tập tại trường nhằm tiết kiệm chi phí nhờ sự hỗ trợ từ đơn vị liên kết. Đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp.

Thực hiện tiết kiệm và hiệu quả việc đấu thầu trong mua sắm, sửa chữa. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động về chuyên môn, mua sắm sửa chữa, phong trào và các lễ hội trong toàn trường.

3.7. Kết quả thực hiện mức độ tự chủ tài chính năm 2024

Nguồn thu năm 2024 có tăng hơn năm trước 14%, nhưng tổng thu chỉ đạt 60% so với dự toán đầu năm (do chỉ tiêu tuyển sinh chỉ đạt 67,7%, các nguồn thu khác đều không đạt dự toán). Tổng chi phí chiếm 73% so với dự toán và tăng 16% so với tổng chi năm 2023.

Theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 09/04/ 2024 giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2024-2025 cho Trường Đại học Bạc Liêu, mức độ tự chủ tài chính năm 2024 là 64,3%.

Trên cơ sở tổng hợp thu, chi năm 2024 và căn cứ quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, thì mức độ tự chủ năm 2024 của Nhà trường là 53,3% giảm 0,8% so với năm 2023 và không đạt kế hoạch theo Phương án được phê duyệt (*Biểu số liệu đính kèm*).

4. Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên

Năm 2024, nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ không thường xuyên NSNN cấp cho đơn vị trong năm là: 12.734 triệu đồng. Trong đó, kinh phí cấp bù học phí, hỗ trợ chi phí học tập là: 377 triệu đồng; kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN là 250 triệu đồng; kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 là 12.107 triệu đồng (Kinh phí giao đầu năm là 16.505 triệu đồng, điều chỉnh giảm dự toán trong năm là 4.398 triệu đồng theo Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 04/12/2024).

Tổng dự toán bị hủy năm 2024 do không được phép chuyển nguồn sang năm 2025 là: 163 triệu đồng. Trong đó, kinh phí thực hiện cấp bù, hỗ trợ chi phí học tập là 144 triệu đồng, kinh phí thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP là 19 triệu đồng, cụ thể như sau:

S T T	Nguồn kinh phí	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Dự toán được sử dụng trong năm	Dự toán đã sử dụng			Dự toán bị hủy	Dự toán còn lại được chuyển sang năm 2025
					Thực chi	Tạm ứng	Tổng		
1	Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 12: Cấp bù học phí và hỗ trợ CPHT)		377	377	233		233	144	
2	Nguồn kinh phí không tự chủ (nguồn 12: Thực hiện Nghị định 116/2020)		12.107	12.107	12.088		12.088	19	
3	Nguồn kinh phí nghiên cứu khoa học (nguồn 16)	176	250	426	290	86	376		50
	Tổng cộng	176	12.734	12.910	12.611	86	12.697	163	50

Về kinh phí đầu tư XDCB: Dự toán kinh phí thực hiện Dự án Xây dựng hệ thống quản trị số và trung tâm thí nghiệm Công nghệ cao tại Trường Đại học Bạc Liêu được giao trong năm 2024 là 20.889 triệu đồng (Bao gồm số dư tạm ứng năm trước chuyển sang là 215 triệu đồng). Trong đó, kinh phí giao đầu năm là 14.500 triệu đồng, điều chỉnh tăng dự toán vốn đầu tư công năm 2024 theo Thông báo số 54/TB-SKHĐT ngày 15/11/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 6.174 triệu đồng. Tổng số kinh phí đã quyết toán khối lượng hoàn thành năm 2024 là 19.169 triệu đồng. Số vốn còn lại chưa giải ngân bị hủy bỏ dự toán là 1.720 triệu đồng.

5. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân

Về công tác tổ chức bộ máy: Hiện nay Trường Đại học Bạc Liêu chưa thực hiện tự chủ về tổ chức, về thực hiện nhiệm vụ. Đang thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành và cơ quan chủ quản cấp trên. Trực tiếp theo sự hướng dẫn từ Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Sở Nội vụ tỉnh Bạc Liêu cùng các sở, ban ngành khác có liên quan. Vì vậy, có đôi lúc việc bố trí, bổ nhiệm nhân sự chưa được kịp thời, công việc giải quyết chưa đạt hiệu quả đề ra do phải qua nhiều giai đoạn phê duyệt của các đơn vị cấp trên.

Nhà trường đã thực hiện việc tổ chức sắp xếp vị trí việc làm cho các đơn vị trong trường theo Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 26/10/2023. Tuy nhiên, thực tế tại các phòng ban còn thiếu nhân sự so với đề án hoặc không có vị trí việc làm trong đề án nên vừa thừa vừa thiếu. Nguyên nhân là do số người được giao hàng năm cho Trường giảm và một số vị trí chưa phù hợp với tình hình thực tế của từng đơn vị.

Khả năng tự chủ tài chính của Trường về kinh phí chi thường xuyên thấp: Theo đúng phương thức và định mức phân bổ hiện hành cộng với khung học phí bị giới hạn và thấp như hiện nay, Trường khó có khả năng tự chủ các khoản chi thường xuyên, đặc biệt là chi lương và các khoản có tính chất lương. Tổng nguồn thu hàng năm không đủ chi tiền lương, tiền công, thanh toán cá nhân và các khoản đóng góp theo lương cho viên chức, người lao động. Các khoản chi cho đầu tư xây dựng cơ bản phụ thuộc chủ yếu vào nguồn NSNN và được phân bổ hàng năm.

Việc chi trả kinh phí hỗ trợ học phí và chi phí sinh hoạt cho sinh viên sư phạm theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ theo phương thức giao nhiệm vụ đang gặp

khó khăn, vướng mắc. Nhà trường đã thực hiện báo cáo cho cơ quan thẩm quyền nhưng chưa có phương án tháo gỡ.

Mặc dù Trường đã triển khai thực hiện QCTNNB theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, nhưng còn lúng túng khi một số nội dung chi và mức chi không phù hợp với tình hình thực tế cũng như chưa có văn bản quy định để áp dụng. Việc xây dựng mức chi phụ thuộc vào tình hình tài chính của đơn vị nên việc nguồn thu không đạt dự toán, chi phí tăng hàng năm ảnh hưởng đến khả năng cân đối thu- chi cũng như hoạt động thường xuyên của đơn vị. Từ đó ảnh hưởng đến mức độ tự chủ của đơn vị.

Tỷ lệ để lại tạo nguồn CCTL theo quy định còn cao so với chênh lệch tăng lương hàng năm, làm ảnh hưởng đến việc cân đối thu-chi hoạt động và thu nhập chính đáng của người lao động tại đơn vị.

6. Đề xuất, kiến nghị

Kiến nghị cơ quan thẩm quyền tiếp tục cấp kinh phí chi lương cho tổng số lượng người làm việc giao hàng năm trong thời gian thực hiện Phương án tự chủ tài chính.

Sớm có phương án giải quyết khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện Nghị định số 116/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm tạo điều kiện để Nhà trường thực hiện đúng theo quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo của Trường Đại học Bạc Liêu về kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị năm 2024.

Nơi nhận: *ml*

- STC Bạc Liêu;
- BGH;
- Lưu: VT, KH&TC.

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
Phan Văn Đàn

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
NĂM 2024**

(Kèm theo Báo cáo số: 108/BC-ĐHBL, ngày 21 tháng 02 năm 2025)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	214	215	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	178	175	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	36	40	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	29.164	31.293	Dự toán năm 2024 theo mức LCS: 1.800.000đ
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên		62.952	44.832	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:		38.633	22.467	
1.1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ				
1.2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)		38.633	22.467	Đã trừ thuế
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)				
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)		6.811	4.857	Đã trừ thuế
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)				
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)				
7	Nguồn thu hợp pháp khác (Nguồn NSNN cấp chi hoạt động thường xuyên, không bao gồm số dư năm trước chuyển sang là 219 triệu đồng)		17.508	17.508	
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)		0		
IV	Chi thường xuyên (Không bao gồm chi phí thuế TNDN)		52.985	43.309	
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương (bao gồm làm thêm giờ và dạy vượt giờ)		30.882	34.175	Trong đó, đã sử dụng nguồn CCTL chi lương trong năm: 14.078 triệu đồng.
2	Chi phí mời giảng, Giáo dục QP-AN, tập huấn chuyên môn		1.650	1.238	
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp		5.126	2.631	
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí				
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên		15.162	5.209	
6	Trích khấu hao tài sản cố định		165	56	
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)				
8	Chi trả lãi tiền vay				
9	Chi thường xuyên khác				
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên				
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)		17.715	14.595	
	(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)				

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
1	Tiết kiệm 5% và cắt giảm các khoản dự toán chi thường xuyên từ nguồn thu sự nghiệp năm 2024 vào Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp theo Quyết định số 1537/QĐ-UBND ngày 29/8/2024			852	
2	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp			990	
3	Trích Quỹ bổ sung thu nhập			300	
4	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi			4.451	
5	Trích Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ			790	
6	Trích Quỹ khác (8% Quỹ học bổng)		1.853	1.374	
	(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)				
7	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng		760	Chi từ Quỹ ổn định thu nhập
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần/quý		1,0	
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		0,9	
	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng		0,2	
8	Trích 40% cái cách tiền lương theo quy định	triệu đồng	15.862	5.838	
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ				
	(Chi tiết từng nguồn kinh phí)				
1	Nguồn thu	triệu đồng	12.734	12.734	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên				
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật				
d	Nguồn khác	triệu đồng	12.734	12.734	
-	Kinh phí Nghiên cứu khoa học (Không bao gồm số dư năm trước chuyển sang 176 triệu đồng)		250	250	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		12.484	12.484	
+	Cấp bù học phí (NĐ 81), hỗ trợ chi phí học tập (Quyết định 66)		377	377	
+	Hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo NĐ 116/2020/NĐ-CP, ngày 25/09/2020 (Bao gồm số dư năm 2022 chuyển sang)		12.107	12.107	



TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	triệu đồng	12.910	12.697	
	Nguồn khác		12.910	12.697	
-	Kinh phí Nghiên cứu khoa học (Bao gồm số dư tạm ứng)		426	376	
-	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		12.484	12.321	
+	Cấp bù học phí (NĐ 81)		377	233	
+	Hỗ trợ tiền đóng học phí và chi phí sinh hoạt theo NĐ 116/2020/NĐ-CP, ngày 25/09/2020		12.107	12.088	
IV	Mức độ tự đảm bảo chi thường xuyên (%) = A/B*100%		64,3%	53,3%	Mức độ tự đảm bảo năm 2024 được giao theo Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 là 64,3%
A	Tổng các khoản thu (III.A.1+III.A.3)	triệu đồng	45.444	27.324	
B	Tổng các khoản chi (IV+V.5+V.6+V.8)	triệu đồng	70.700	51.311	

Bạc Liêu, ngày 21 tháng 02 năm 2025

Lập biểu



Mai Diem Huong

Kế toán trưởng



Quách Ngọc Phương

Thủ trưởng đơn vị



Phan Văn Đàn